

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG: TỪ GÓC NHÌN CỦA HỌC THUYẾT KINH TẾ CƠ CẤU MỚI

THS NGUYỄN DUY TUẤN

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Vấn đề tái cơ cấu đầu tư công đã được phân tích dưới nhiều góc độ khác nhau. Dựa trên những nghiên cứu của Justin Yifu Lin (2012), bài nghiên cứu tiếp cận vấn đề tái cơ cấu đầu tư công dưới góc độ học thuyết kinh tế cơ cấu mới. Sau khi phân tích thực trạng, bài nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao vai trò của Nhà nước đối với công tác tái cơ cấu đầu tư trong những năm tiếp theo.

Từ khóa: tái cơ cấu đầu tư công, học thuyết kinh tế cơ cấu mới, vai trò nhà nước.

THE ROLE OF GOVERNMENT IN RESTRUCTURING PUBLIC INVESTMENT: FROM THE PERSPECTIVE OF NEW STRUCTURAL ECONOMICS THEORY

Summary

The issue of restructuring public investment has been analyzed in different approaches. Based on the research of Justin Yifu Lin (2012), this study has approached the issue of restructuring public investment based on the new structural economics theory. After the practical analysis, the study has proposed a number of suggestions to enhance the role of the government in restructuring the investment in the following years.

Key words: restructuring public investment, new structural economics theory, role of government.

Học thuyết kinh tế cơ cấu mới

Kinh tế học phát triển tuy ra ra đời khá muộn nhưng đóng một vai trò khá quan trọng trong hệ thống lý thuyết về kinh tế. Các nhà kinh tế học phát triển thế hệ thứ nhất thuộc nhiều trường phái khác nhau trên thực tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thay đổi cơ cấu và nhìn nhận những khác biệt về cơ cấu và thất bại của thị trường. Lấy kinh tế học Keynes làm cơ sở học thuật chính cho hoạt động nghiên cứu phân tích, các nhà kinh tế học thời kỳ này ủng hộ “học thuyết chính phủ can thiệp”. Tuy nhiên, thực tế cho thấy từ Mỹ Latinh đến châu Âu, châu Á đến châu Phi, khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia ngày càng bị nới rộng.

Thất bại từ các can thiệp của chính phủ do trường phái phát triển thuộc làn sóng thứ nhất đã tạo ra một làn sóng mới, nhấn mạnh những thất bại của chính phủ và đề ra một phương pháp tiếp cận không mang tính cơ cấu trong phát triển kinh tế. Phương pháp này đề cao chức năng cơ bản của thị trường trong việc phân bổ nguồn lực và khuyến khích phát triển kinh tế, xem nhẹ những khác biệt trong cơ cấu giữa các quốc gia có trình độ phát triển khác nhau khi đưa ra khuyến nghị chính sách.

Tuy nhiên, theo quan sát thì các quốc gia đang phát triển đã thành công trong nửa sau của thế kỷ XX lại không theo đuổi các mô hình tư duy phát triển theo làn sóng thứ nhất và thứ hai mà đang dần hình thành một làn sóng thứ ba: kinh tế học cơ cấu mới. Mục đích của trường phái mới này là nhấn mạnh vai trò quan trọng của thị trường và nhà nước trong việc thúc đẩy kinh tế. Các nhà kinh tế học thuộc trường phái này đều nhất trí rằng thị trường phải là cơ chế phân bổ nguồn lực chính, còn chính phủ phải đóng vai trò tích cực trong hoạt động điều phối đầu tư phát

triển và đa dạng hóa các ngành công nghiệp, cũng như bù đắp cho các ngoại ứng tiêu cực trong thời kỳ đầu của quá trình tăng trưởng. Hay nói cách khác là cơ cấu của một quốc gia cần dựa trên lợi thế so sánh của các yếu tố nguồn lực của quốc gia đó.

Như vậy, có thể thấy điểm tương đồng trong học thuyết kinh tế cơ cấu “mới” và “cũ” đều được thiết lập trên những khác biệt về cơ cấu giữa các nước đang phát triển và phát triển, trong đó thừa nhận vai trò tích cực của nhà nước khi hỗ trợ dịch chuyển nền kinh tế từ trình độ thấp lên một trình độ phát triển cao hơn. Tuy nhiên, có một số điểm khác căn bản giữa hai phương pháp tiếp cận này. *Thứ nhất*, lý thuyết kinh tế cơ cấu cũ ủng hộ các chính sách đi ngược lại lợi thế so sánh của các quốc gia và gợi ý chính phủ các quốc gia nên tập trung phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều vốn thông qua các biện pháp hành chính và trợ giá. Ngược lại, kinh tế cơ cấu mới nhấn mạnh vai trò trung tâm của thị trường trong việc phân bổ nguồn lực và đề xuất chính phủ nên đóng vai trò hướng dẫn các doanh nghiệp trong quá trình nâng cấp công nghệ bằng cách xử lý các vấn đề ngoại ứng. *Thứ hai*, lý thuyết kinh tế cơ cấu cũ cho rằng sự can thiệp có hệ thống của chính phủ vào các hoạt động kinh tế là nhân tố thiết yếu cho mục tiêu hiện đại hóa. Trong đó các công cụ chủ yếu được sử dụng bao gồm chính sách bảo hộ chung (đánh thuế với hàng nhập khẩu để bảo vệ ngành sản xuất trong nước), chính sách tỷ giá cứng nhắc hay thành lập các doanh nghiệp nhà nước tại hầu hết các ngành. Ngược lại, Lý thuyết mới nhấn mạnh ý tưởng cho rằng quá trình nâng cấp công nghiệp ở một quốc gia đang phát triển phải phù hợp với thay đổi trong lợi thế so sánh của quốc gia đó, phản ánh sự tích lũy nguồn vốn vật chất và con người trong cấu trúc nguồn lực của quốc gia - điều này đảm bảo khả năng tồn tại của doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp mới. Như vậy, cách tiếp cận của lý thuyết kinh tế cơ cấu mới nêu bật tầm quan trọng của cấu trúc nguồn lực và những khác biệt trong cơ cấu đầu tư và cơ cấu kinh tế của các quốc gia với trình độ phát triển khác nhau. Học thuyết cũng khuyến nghị nhà nước nên chỉ giữ vai trò định hướng và kiểm soát nhằm tránh những biện pháp can thiệp sai lầm do đánh giá quá cao vai trò của chính phủ trong việc sửa chữa các thất bại của thị trường.

Các chứng cứ lịch sử và hiện đại của các quốc gia, trong đó có Việt Nam đều không thể phủ nhận

rằng can thiệp của chính phủ là yếu tố không thể thiếu trong quá trình chuyển đổi cơ cấu. Tuy nhiên, cách thức tác động của nhà nước tới quy trình chuyển đổi này như thế nào lại vẫn là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Khi xem xét vai trò quản lý của nhà nước trong việc thúc đẩy và thực thi tái cơ cấu đầu tư, đặc biệt là tái cơ cấu đầu tư công theo hướng bền vững, học thuyết kinh tế cơ cấu mới xây dựng quy trình bao gồm sáu bước: *Bước 1*: Chính phủ phải lựa chọn các nước đang tăng trưởng năng động có cấu trúc nguồn lực tương tự và có mức thu nhập đầu người cao hơn gấp đôi so với mức thu nhập. Sau đó, phải xác định các ngành đã phát triển mạnh ở những nước này trong 20 năm trước. *Bước 2*: Tiến hành xem xét phân loại trong các ngành này thì những ngành nào có thể gây ngoại ứng mạnh đến nền kinh tế theo hai hướng: thứ nhất là những ngành có tác động rõ rệt với tăng trưởng kinh tế và thứ hai là những ngành có tác dụng tích cực trong việc hỗ trợ cho sự phát triển các ngành khác trong nền kinh tế. *Bước 3*: Với những ngành có tác động lớn tới tăng trưởng kinh tế mà tư nhân làm tốt hơn thì nhà nước giảm dần tỷ trọng vốn nhằm thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân trong nước hay FDI đầu tư. Với những ngành có hiệu ứng hỗ trợ mạnh tới các ngành khác trong nền kinh tế thì nhà nước tiếp tục đầu tư nhằm thúc đẩy các ngành này làm tốt hơn nữa vai trò của mình trong việc tạo ngoại ứng tích cực, thậm chí có thể sẵn sàng bù đắp cho các doanh nghiệp này. *Bước 4*: Với những ngành được xác định ở bước 1, chính phủ cần chú ý đến các doanh nghiệp tư nhân phát triển tự phát và hỗ trợ việc nâng cấp các hoạt động của tư nhân trong các ngành mới. Chính phủ sẵn sàng bù đắp cho các doanh nghiệp đi tiên phong bằng các ưu đãi về thuế trong thời gian xác định hay đồng tài trợ cho đầu tư. Mục tiêu là tạo nên những ngành kinh tế tư nhân năng động. *Bước 5*: Ở các quốc gia có cơ sở hạ tầng yếu kém và môi trường kinh doanh không thuận lợi thì có thể thành lập các đặc khu kinh tế hay khu công nghiệp để tạo điều kiện đầu tư tốt hơn cho doanh nghiệp. *Bước 6*: Chuyển dần quyền sở hữu các ngành hỗ trợ từ sở hữu nhà nước sang hình thức PPP (Public - Private Partner). Vai trò của nhà nước chỉ hạn chế ở chức năng cung cấp thông tin về các ngành công nghiệp mới, điều phối hoạt động đầu tư có liên quan giữa các doanh nghiệp trong cùng một ngành, xử lý các ngoại tác thông tin cho các doanh nghiệp đi tiên phong hay nuôi dưỡng các ngành năng động, mới thông qua việc tạo ra và

khuyến khích đầu tư ngoài nhà nước.

Thực trạng cơ cấu đầu tư công tại Việt Nam giai đoạn 1995-2011

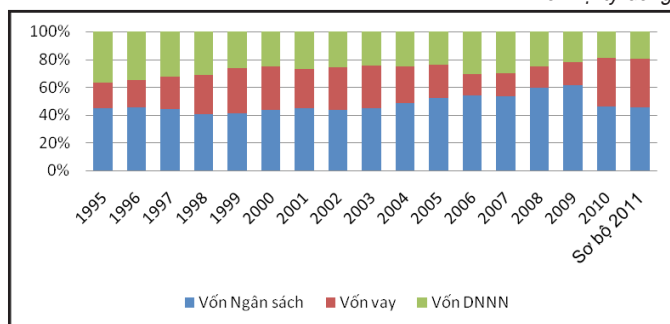
Xét theo góc độ nguồn vốn, đầu tư công bao gồm 5 bộ phận cấu thành:

- Vốn từ nguồn thu trong nước của ngân sách nhà nước phân cho các bộ, ngành và phân cho các địa phương.
- Vốn ngân sách đầu tư theo các chương trình hỗ trợ có mục tiêu (thường là các chương trình mục tiêu trung và dài hạn).
- Tín dụng đầu tư (vốn cho vay của Nhà nước).
- Vốn vay trong nước và ngoài nước dùng để đầu tư.
- Đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước.

Trong số 5 nguồn vốn đầu tư công vừa nêu ở trên, hai nguồn đầu tiên (vốn từ ngân sách; vốn cho các chương trình mục tiêu và chương trình ngành) gộp vào mục “vốn ngân sách”; hai nguồn tiếp theo (tín dụng và vốn Nhà nước vay) gộp vào mục “vốn vay” và nguồn cuối cùng chính là “vốn của doanh nghiệp nhà nước”

Tính theo giá so sánh, khối lượng vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước tăng lên gấp 4,6 lần trong khoảng thời gian 11 năm (từ 2000-2011), tức là bình quân mỗi năm tăng 10,4%. Vốn vay tăng 4,1 lần, bình quân năm 11,3%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước tăng 2,2 lần, bình quân năm tăng 9,2% (biểu đồ 1), còn nếu tính theo mốc từ năm 1995 thì các con số bình quân lần lượt là 14,4%, 15,5% và 7,8%.

Biểu đồ 1: tỷ trọng vốn đầu tư công theo nguồn (giá so sánh 1994)
Đơn vị: tỷ đồng

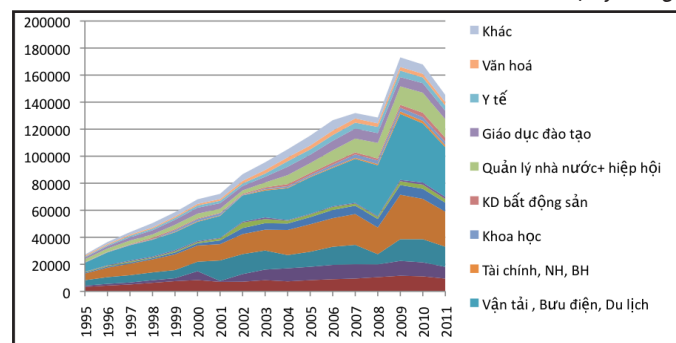


(nguồn: Tổng cục Thống kê, niên giám thống kê 2012)

Xét theo cơ cấu ngành, trong 6 năm gần đây, khoảng trên dưới 40% tổng số vốn đầu tư công

được sử dụng cho các ngành kết cấu hạ tầng: điện, nước, vận tải kho bãi, thông tin và truyền thông. Công nghiệp khai thác mỏ giữ ở mức trung bình 7-9%, tuy nhiên có xu hướng giảm mạnh trong năm 2011 và các năm tiếp theo. Ngành công nghiệp chế biến và chế tạo có sự dao động mạnh, lên xuống thất thường khi giảm 50% trong năm 2008 và lập tức tăng lên 250% trong năm tiếp theo. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, mặc dù là lĩnh vực hoạt động của đại đa số dân cư nhưng mức đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước trong ngành này vẫn còn khiêm tốn, trong hơn 6 năm chỉ tăng có 14%, thấp hơn cả mức tăng trung bình của tất cả các ngành.

Biểu đồ 2: cơ cấu nguồn vốn đầu tư nhà nước cho các ngành
Đơn vị: tỷ đồng



(nguồn: Tổng cục Thống kê, niên giám thống kê 2012)

Việc sử dụng đầu tư công như là một công cụ thúc đẩy các ngành trọng điểm, then chốt trong nền kinh tế đã được thực hiện ở một phạm vi và mức độ nhất định, song tác động đối với hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu vẫn còn hạn chế. Những kết quả của việc Nhà nước đầu tư cho các ngành công nghiệp tiên tiến, có công nghệ cao và có tác dụng thúc đẩy, lan tỏa mạnh đối với tăng trưởng kinh tế là chưa rõ. Các ngành công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, chế tạo dụng cụ y tế, cơ khí chính xác, thiết bị quang học giảm đi đáng kể. Thêm vào đó, tuy vốn đầu tư cho khai khoáng có giảm trong những năm gần đây nhưng giá trị mang lại thì vẫn tăng đều qua các năm và lớn hơn mức lợi nhuận bình quân chung của các ngành trong khu vực kinh tế nhà nước. Việc Chính phủ tập trung lượng tiền lớn cho các ngành như đóng tàu thủy, khai thác khoáng sản (than, bô xít) hay dự định xây dựng đường cao tốc (chỉ chờ khách chứ không vận chuyển hàng hóa) đã gây lãng phí một lượng lớn tiền vốn dùng cho đầu tư và ảnh hưởng luôn đến cả thị trường tài chính Việt Nam trong thời gian qua. Có vẻ như nguyên tắc:

“Nhà nước đầu tư vào các ngành có khả năng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại hóa và dẫn dắt sự phát triển trong tương lai” dường như đã không được thực thi trong chính sách đầu tư công trong thời gian qua.

Xem xét đóng góp của 16 ngành cấp 1 đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1995-2011, tác giả sử dụng phương pháp số liệu mảng với tác động cố định. Cụ thể, đi vào tính toán nếu tăng thêm 1 đồng vốn vào ngành được chọn và cố định đầu tư của các ngành khác thì GDP thay đổi như thế nào, kết quả được phản ánh tại bảng 1.

Bảng 1: đóng góp của từng ngành vào tăng trưởng GDP

STT		Đầu tư công	Đầu tư tư nhân
1	Nông nghiệp + Lâm nghiệp + Thủy sản	0,01986	0,317169
2	Công nghiệp khai thác	1,00284	-0,106056
3	Công nghiệp chế biến	0,90015	1,863456
4	Điện, nước	0,46419	0,246259
5	Xây dựng	1,37279	0,423249
6	Thương nghiệp	-0,23454	-0,101793
7	Khách sạn, nhà hàng	-0,24292	0,514148
8	Vận tải, bưu điện, du lịch	0,06142	0,028444
9	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	4,36423	0,931281
10	Khoa học	0,64467	0,398141
11	Kinh doanh bất động sản	0,11081	0,025137
12	Quản lý nhà nước + Hiệp hội	0,11773	-0,462855
13	Giáo dục đào tạo	0,88982	1,383704
14	Y tế	0,02047	0,053911
15	Văn hoá	0,47446	0,895392
16	Khác	-0,01834	0,011361

(nguồn: tính toán của tác giả dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê)

Những kết quả ước lượng ở đây phần nào đó cũng phản ánh đúng thực tế của nền kinh tế Việt Nam. Những lĩnh vực như điện, nước, xây dựng, khai thác đều là những ngành đòi hỏi đầu tư ban đầu rất lớn nhưng độ trễ trong đầu tư lại rất cao, do vậy tư nhân thường ít hoặc không muốn tham gia trừ khi có được những ưu đãi kèm theo. Tuy nhiên, những ngành này lại có sức lan tỏa rất lớn tới nền kinh tế. Ví dụ như ngành xây dựng góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng đường xá, cầu cống giúp hàng hóa vận chuyển nhanh hơn, xây dựng nhiều nhà xưởng góp phần làm gia tăng vốn vật chất cho nền kinh tế. Ngành điện, nước khi được đầu tư sẽ cải thiện các điều kiện cung cấp điện, nước phục vụ cho sản xuất của nền kinh tế. Tuy nhiên, có thể thấy ở đây là

không ít ngành tư nhân có thể thực hiện tốt hơn so với nhà nước, ví dụ như nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến, đây là hai ngành thế mạnh truyền thống của một nước nhiệt đới như Việt Nam, với sự năng động và nhanh nhạy với thị trường của khu vực kinh tế tư nhân thì hiệu quả đem lại với GDP của hai ngành trên là hoàn toàn dễ hiểu.

Định hướng và khuyến nghị tái cơ cấu đầu tư công trong giai đoạn 2014-2020

Tái cơ cấu đầu tư là điều chỉnh cơ cấu đầu tư về tỷ trọng tổng nguồn vốn nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư công và phát triển bền vững nền kinh tế. Dựa theo lý thuyết về kinh tế cơ cấu mới, một số kiến nghị chính sách có thể được đưa ra nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô trong giai đoạn 2014-2020 như sau:

Thứ nhất, cần có sự thống nhất trong tư duy về vai trò của Nhà nước và đầu tư công với tư cách là một công cụ giúp Nhà nước thực hiện chức năng can thiệp vào nền kinh tế thị trường

Vai trò quan trọng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường đã được khẳng định về lý luận và thực tiễn. Học thuyết kinh tế cơ cấu mới cũng nhấn mạnh vai trò này, tuy nhiên, cần phải thống nhất quan điểm về: mức độ, phạm vi và công cụ can thiệp của Nhà nước như thế nào là phù hợp. Mặc dù chúng ta là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng không nhất thiết Nhà nước phải can thiệp quá sâu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và cần phải giảm dần các can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào lĩnh vực kinh tế nói chung và lĩnh vực sản xuất nói riêng. Lộ trình giảm dần can thiệp của Nhà nước có thể tham khảo theo khuyến nghị 6 bước của học thuyết kinh tế cơ cấu mới. Cần xác định rõ, Chính phủ chỉ sử dụng nguồn lực đầu tư trực tiếp của mình khi cần kích thích một ngành còn quá non trẻ, một ngành hoàn toàn mới đối với Việt Nam hoặc những ngành mà tư nhân không muốn hoặc không thể tham gia, còn lại Chính phủ chỉ cần tạo dựng một môi trường thuận lợi là đủ khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào những lĩnh vực vốn từ xưa được coi là “sân nhà” của đầu tư công. Nghĩa là, vốn đầu tư từ khu vực nhà nước chỉ nên đóng vai trò là nguồn vốn mồi, tạo điều kiện huy động các nguồn lực của khu vực tư nhân, chứ không làm lấn át đầu tư tư nhân.

Thứ hai, phối hợp tái cơ cấu đầu tư công với tái cấu trúc nền kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công

Những nội dung cần phối hợp thực hiện có thể tham khảo theo quy trình 6 bước đã được đề cập ở trên, bao gồm 2 vấn đề chính sau: *Xác định những ngành, lĩnh vực ưu tiên đầu tư công*: quan điểm cần quán triệt trong tái cơ cấu đầu tư công là Nhà nước sử dụng đầu tư công như một công cụ kích thích phát triển những ngành được ưu tiên, thường là những ngành then chốt có tác dụng lôi kéo nền kinh tế, có tác dụng lan tỏa lớn mà khu vực tư nhân chưa thể hoặc không muốn đầu tư. Theo kết quả đóng góp của đầu tư công và đầu tư tư nhân đối với tăng trưởng GDP ở trên thì vốn đầu tư công phải ưu tiên tập trung vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ. Ngay cả những ngành khu vực đầu tư tư nhân đang đóng góp vào GDP lớn hơn như khu vực nông nghiệp và nông thôn, giáo dục, y tế thì Nhà nước cũng nên sử dụng nguồn vốn của mình để hỗ trợ ngành và khu vực tư nhân phát triển thông qua hỗ trợ nghiên cứu hay đồng tài trợ. Ngoài ra, cần giảm phân bổ vốn nhà nước vào các lĩnh vực mà tư nhân trong nước đã có khả năng thực hiện. *Mô hình hợp tác công tư PPP cần được coi là nhân tố thúc đẩy tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả đầu tư công*: một trong những giải pháp quan trọng khác là Nhà nước cần phải thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực đầu tư các dự án, hạng mục công cộng, tăng đầu tư từ khu vực tư nhân. Khu vực này, bằng tính linh hoạt trong hoạt động của mình sẽ sử dụng hiệu quả hơn nguồn vốn, tăng tính sáng tạo, chia sẻ rủi ro với đầu tư công. Theo những khuyến nghị từ học thuyết cơ cấu mới thì Nhà nước không chỉ áp dụng hình thức này đối với những ngành trực tiếp tạo ra tăng trưởng cho nền kinh tế mà dần dần mở rộng ra trong nhiều lĩnh vực hơn nữa như cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, đặc biệt là lĩnh vực nghiên cứu và triển khai. Để thu hút đầu tư tư nhân thông qua hình thức này, Nhà nước cần sử dụng các biện pháp ưu đãi và bảo đảm đầu tư thông qua ưu đãi thuế, quyền mua ngoại tệ hoặc đảm bảo cân đối ngoại tệ, quyền đảm bảo cung cấp các dịch vụ công và một điều quan trọng là cần sớm thể chế hóa, thông qua luật đầu tư công để có khung pháp lý điều chỉnh hoạt động này.

Thứ ba, tăng cường tính giám sát trong hoạt động đầu tư công

Việc thực hiện giám sát đối với đầu tư công cần tiến hành cả từ phía các cơ quan quản lý lẫn từ phía

người dân và cộng đồng. Cụ thể là:

Về phía cơ quan quản lý nhà nước: học thuyết kinh tế cơ cấu nhấn mạnh sự cần thiết chuyển đổi từ mô hình Nhà nước can thiệp sang mô hình Nhà nước hướng dẫn, giám sát, thúc đẩy những yếu tố lợi thế so sánh của quốc gia. Do vậy, về phía cơ quan quản lý nhà nước, cần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước và trong hoạt động đầu tư công, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan đã được phân cấp trong quản lý, phân bổ vốn đầu tư. Ban hành các quy định cụ thể, có chế tài ràng buộc trách nhiệm đảm bảo vốn và phê duyệt dự án đầu tư.

Về phía người dân và cộng đồng: thực hiện theo dõi, giám sát cộng đồng đối với đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước để góp phần làm nguồn vốn này được quản lý và sử dụng một cách công khai, minh bạch, chống được thất thoát, lãng phí và tham nhũng. Nâng cao chất lượng công tác thanh kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý các sai phạm phát sinh, nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn đầu tư công.

Thứ tư, ban hành hệ thống văn bản pháp luật liên quan tới đầu tư công

Xây dựng và sớm thông qua các bộ luật như Luật Đầu tư công, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư cơ sở hạ tầng và các quy định, chế tài cụ thể, chi tiết đủ mạnh, đủ sức răn đe, bổ sung và sửa đổi Luật Đầu tư chung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước ■

Tài liệu tham khảo

1. Justin Yifu Lin (2012), Học thuyết kinh tế cơ cấu mới: cơ sở để xem lại phát triển và chính sách, WB.
2. Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Quang Thái (2011), Đầu tư công: thực trạng và tái cơ cấu, Nxb Từ điển Bách khoa.
3. Nguyễn Ngọc Sơn, Lương Thanh Hà (2012), Tái cơ cấu đầu tư công trong bối cảnh tái cơ cấu kinh tế Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 2012.
4. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Ủy ban Kinh tế Quốc hội và UNDP (2010), Tái cơ cấu đầu tư công trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế ở Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học.